

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HN-ST
Ngày: 26/01/2022
V/v “*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Võ Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim L, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, biên bản hòa giải ngày 19/11/2021, bà Đặng Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T cưới nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (huyện G, tỉnh Bến Tre) vào ngày 22/6/2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng bà sống hạnh phúc được thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn, bà có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện G 02 lần vì lý do ông T chơi cờ bạc, nhưng thương con nên bà đã rút đơn. Sau này ông T vẫn chơi cờ bạc bình thường, không khuyên được và thậm chí ông T tự ý bán bò không nói tiếng nào với bà. Từ cuối năm 2020 đến nay, bà và ông T đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà cũng không có tới lui để hàn gắn.

Nay bà không còn tình cảm với ông T và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 và cháu Trần Thị Lệ M, sinh ngày 20/8/2008. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu M thì bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2021, biên bản hòa giải ngày 19/11/2021, ông Trần Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đặng Thị Kim L về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn. Trước kia, bà L có nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án nhân dân huyện G cũng vì lý do ông chơi cờ bạc và ông cũng có hứa không chơi nữa nên bà L đã rút đơn. Sau này, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông mua bán bị thua lỗ và cũng có chơi cờ bạc (đánh bạc), ông đã hứa với bà L là không chơi nữa và ông đã tự nguyện chặt ngón tay. Từ 7 – 8 tháng nay, vợ chồng ông không còn ở chung nhà nhưng ông cũng có lên xuống thăm con. Nay ông hứa sẽ thay đổi, sẽ lập giấy cam kết với bà L là không còn cờ bạc nữa nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý là vợ chồng ông 02 con chung tên là Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 và cháu Trần Thị Lệ M, sinh ngày 20/8/2008. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành nên ông không có ý kiến. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi cháu M và tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị Kim L trình bày: Bà vẫn giữ nguyên lời trình bày và bổ sung là gần đây ông T có lên nhà, dùng vật nhọn chọt trúng hông bà nhưng không bị thương. Bà khẳng định ông T không thể nào bỏ được việc chơi cờ bạc và bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung: Đối với cháu Tr hiện nay đã trưởng thành, có công việc riêng đủ nuôi sống bản thân nên bà không có yêu cầu đối với cháu Tr nhưng đối với cháu M hiện nay đang sống với bà và cũng có nguyện vọng sống với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nếu Hội đồng xét xử để cháu M cho ông T nuôi dưỡng thì bà cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Trần Văn T trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày là ông hứa sẽ không chơi cờ bạc nữa, từ khi ông chặt ngón tay để làm tin đến nay ông không có chơi cờ bạc nữa mà chỉ lo buôn bán làm kinh tế nên ông vẫn không đồng ý ly hôn. Về con chung: Cháu Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 hiện đã trưởng thành, có công việc riêng ổn định nên ông cũng không có yêu cầu đối với cháu Tr; còn cháu Trần Thị Lệ M hiện nay đang sống với bà L nhưng cũng chỉ mới sống thời gian gần đây. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi cháu M và tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi

con. Nếu Hội đồng xét xử để cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng thì ông cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Kim L đối với ông Trần Văn T. Về con chung: Cháu Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 hiện đã trưởng thành, có công việc ổn định đủ nuôi sống bản thân nên đề nghị không xem xét; Đối với cháu Trần Thị Lệ M, sinh ngày 20/8/2008 thì đề nghị Hội đồng xét xử để cháu M cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Kim L và ông Trần Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà L và ông T sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T không lo cho gia đình và ham chơi cờ bạc. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông bà cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên bà L đã nộp đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện G nhưng ông T có hứa không chơi cờ bạc nữa để lo cho gia đình nên bà L đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau một thời gian bà L rút đơn khởi kiện thì ông T vẫn chơi cờ bạc nên bà L nộp đơn xin ly hôn trở lại. Khi xảy ra mâu thuẫn tiếp tục, ông T có chặt ngón tay để hứa với bà L không chơi cờ bạc nữa, để lo buôn bán làm kinh tế nên xin cơ hội hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã từng chơi cờ bạc được bà L cho cơ hội nhưng ông T vẫn tiếp tục chơi cờ bạc. Mặc dù ông T đã chặt ngón tay để làm tin và xin cơ hội hàn gắn nhưng không được bà L tin tưởng và xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông T nữa nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm Tr, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông T là

có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Cháu Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 hiện đã trưởng thành, có công việc riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Thị Lệ M, sinh ngày 20/8/2008; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà L và ông T sống ly thân, cháu M vẫn do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/11/2021 của Tòa án, cháu M cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu M cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Đặng Thị Kim L có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Kim L đối với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Cháu Trần Quốc Tr, sinh ngày 08/3/2001 hiện đã trưởng thành, có công việc riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Đặng Thị Kim L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Lệ M, sinh ngày 20/8/2008 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/11/2021 của Tòa án, cháu M có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Đặng Thị Kim L có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003163 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, bà L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H,
(Huyện G, T Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Chí Vũ